南牧村 生活情報冊子

Sách thông tin sinh hoạt làng Minamimaki

ベトナム語
Tiếng Việt

mmm
信州 みなみまきむら

Mục lục
もくじ

Sách thông tin sinh hoạt làng Minamimaki
Tiếng Nhật/Tiếng Việt

南牧村 生活情報冊子
日本語／ベトナム語

■Ⅰ 住民登録 …… 2
■Ⅰ Đăng ký cư dân …… 3

■Ⅱ 国民健康保険 …… 4
■Ⅱ Bảo hiểm sức khỏe quốc gia …… 5

■Ⅲ 国民年金 …… 10
■Ⅲ Hưu trí quốc gia …… 11

■Ⅳ 個人住民税 …… 16
■Ⅳ Thuế cư trú cá nhân …… 17

■Ⅴ ごみの出し方 …… 18
■Ⅴ Cách đổ rác …… 19

■Ⅵ/Ⅶ 交通災害／教育 …… 22
■Ⅵ/Ⅶ Tai nạn giao thông/ đào tạo …… 23

■ はじめに

適法に在留資格を有し、在留期間が３か月を超える外国人の方は、いずれかの市町村で住民登録をしなければなりません。

登録されれば、住民票に登録され、写し等が発行できるようになります。

●次のいずれかに該当する外国人住民は住民基本台帳法の対象となります。

①**中長期在留する外国人**

在留カード交付対象者

②**特別永住者**

特別永住者証明書対象者

③**一時庇護のための上陸許可者もしくは仮滞在許可を受けた者**

不法滞在者が難民認定申請を行うなど、一定の要件を満たすときに仮に日本国に滞在することを認可された者など

④**出生による経過滞在者や日本国籍を喪失した者**

出生または日本国籍の喪失により日本国に在留することになった外国人

●住民登録の手続き

①**新規入国した場合**

入国した方のパスポートと在留カードを持って、南牧村に住所を定めた日から14日以内に届出をしてください。代理人が手続きをする場合は、手続きする内容、委任者、受任者のそれぞれの氏名、住所が記載されている委任状も持参してください。

②**他市町村から南牧村へ転入する場合**

他市町村で発行された転出証明書、在留カード、マイナンバー関連の書類、年金手帳を持って、南牧村に住所を定めた日から14日以内に届出をしてください。代理人が手続きをする場合は、手続きする内容、委任者、受任者のそれぞれの氏名、住所が記載されている委任状も持参してください。

③**南牧村から転出する場合**

南牧村で発行した国民健康保険証、在留カード、マイナンバー関連の書類、年金手帳を持って、転出予定日の14日前から届出をすることができます。**転出される前に**必ず届出をしてください。代理人が手続きをする場合は、手続きする内容、委任者、受任者のそれぞれの氏名、住所が記載されている委任状も持参してください。

■ Lời nói đầu

Những người nước ngoài có tư cách lưu trú hợp pháp và có thời gian lưu trú quá 3 tháng phải đăng ký cư dân tại thành phố, thị trấn hoặc làng xã.

Sau khi đăng ký sẽ được lưu vào Phiếu cư trú, sau đó có thể cấp phát được bản sao, v.v...

● Cư dân người nước ngoài tương ứng với một trong những trường hợp dưới đây sẽ thuộc đối tượng áp dụng Luật đăng ký cư trú cơ bản.

① **Người nước ngoài cư trú trung và dài hạn**

Người thuộc đối tượng cấp Thẻ cư trú

② **Người vĩnh trú đặc biệt**

Người thuộc đối tượng cấp Giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt

③ **Người được phép nhập cảnh để tị nạn tạm thời hoặc được phép lưu trú tạm thời**

Người được phép lưu trú tạm thời tại Nhật Bản khi đáp ứng một số điều kiện cần thiết nhất định, v.v... như người lưu trú bất hợp pháp làm thủ tục đề nghị chứng nhận người tị nạn, v.v...

④ **Người cư trú do sinh ra tại Nhật Bản hoặc người đã mất quốc tịch Nhật Bản**

Người nước ngoài lưu trú tại Nhật Bản do sinh ra tại Nhật Bản hoặc mất quốc tịch Nhật Bản

● Thủ tục đăng ký cư dân

① **Trường hợp nhập cảnh mới**

Người đã nhập cảnh hãy mang hộ chiếu và Thẻ cư trú đến đăng ký với làng Minamimaki trong vòng 14 ngày kể từ ngày có quyết định về địa chỉ sinh sống. Trường hợp người đại diện làm thủ tục thì hãy mang theo Giấy ủy quyền có ghi nội dung làm thủ tục, họ tên và địa chỉ của người ủy quyền và người được ủy quyền.

② **Trường hợp chuyển chỗ ở từ thành phố, thị trấn và làng xã khác đến làng Minamimaki**

Hãy mang theo Giấy chứng nhận chuyển chỗ ở đi đã được thành phố, thị trấn và làng xã khác cấp, Thẻ cư trú, hồ sơ liên quan đến mã số cá nhân, Sổ hưu trí đến đăng ký trong vòng 14 ngày kể từ ngày có quyết định về địa chỉ sinh sống ở làng Minamimaki. Trường hợp người đại diện làm thủ tục thì hãy mang Giấy ủy quyền có ghi nội dung làm thủ tục, họ tên và địa chỉ của người ủy quyền và người được ủy quyền.

③ **Trường hợp chuyển chỗ ở đi khỏi làng Minamimaki**

Có thể mang theo Thẻ bảo hiểm sức khỏe quốc gia, Thẻ cư trú, hồ sơ liên quan đến mã số cá nhân, Sổ hưu trí đến để đăng ký ít nhất trước 14 ngày của ngày dự định chuyển chỗ ở đi. Hãy đăng ký **trước khi chuyển chỗ ở đi**. Trường hợp người đại diện làm thủ tục thì hãy mang Giấy ủy quyền có ghi nội dung làm thủ tục, họ tên và địa chỉ của người ủy quyền và người được ủy quyền.

■ 日本は国民皆保険制度です

日本では、安心して医療を受けられるように、すべての人が医療保険に加入することになっています（国民皆保険制度）。

国民健康保険（国保）はそうした医療保険のひとつで、私たちの住む都道府県と市区町村が運営しています。国保は被保険者のみんながお金を出し合う、助け合いの制度です。みんなのすこやかな暮らしを守るために、みんなで力を合わせて国保を支えていきましょう。

●国保に加入する人…職場の健康保険や後期高齢者医療制度に加入している人と生活保護を受けている人以外は、すべての人が国保に加入します。

●加入資格…3か月を超えて日本に滞在すると認められた外国籍の人は、国保に加入しなければなりません。ただし、下記の人は加入できません。

- ●職場の健康保険に加入している人
- ●被扶養者として、家族の職場の健康保険に加入している人
- ●後期高齢者医療制度に加入している人
- ●生活保護を受けている人
- ●医療滞在ビザで入国した人とその付き添いの人
- ●観光・保養目的の在留資格を持つ人

■ 国保の届け出

次のいずれかに該当する外国人住民は住民基本台帳法の対象となります。

次のようなときは届け出が必要です。世帯主は、必ず14日以内に在留カードを持って、国保担当窓口に届け出てください。

★こんなときは必ず届け出をしてください。

- ●住所、氏名、世帯主、国籍が変わったとき
- ●保険証（国民健康保険被保険者証）をなくしたとき

▶国保に加入するとき

1 転入（入国）したとき（職場の健康保険などに加入していない場合）
2 職場の健康保険などをやめたとき（退職日の翌日）
3 子どもが生まれたとき
4 生活保護を受けなくなったとき

《加入の届け出が遅れると》

●保険税（料）は、加入の届け出をした月からではなく、資格を得た月の分から納めるので、加入した月までさかのぼって納めなければならなくなります（遡及賦課）。

●保険証がないため、その間の医療費は特別な理由がない限り全額自己負担になります。

▶国保をやめるとき

1 出国するとき
2 転出したとき
3 職場の健康保険などに加入したとき
4 死亡したとき
5 生活保護を受け始めたとき

《やめる届け出が遅れると》

●保険証が手元にあるため、うっかりそれを使って医療を受けてしまった場合は、国保が負担した医療費はあとで返していただきます。

●ほかの健康保険に入ったとき、国保をやめる届け出をしないと、知らずに国保の保険税（料）と健康保険の保険料の両方を支払ってしまうことがあります。

■ 国保で受けられる給付

《療養の給付》

病気やけがをしたとき、病院などの窓口で保険証などを提示すれば、医療費の一部を支払うだけで次のような医療を受けることができます。

▶診察▶治療▶薬や注射など処置▶入院および看護（入院時の食事代は除く）
▶在宅療養（かかりつけ医による訪問診療）および看護▶訪問看護（お医者さんが必要と認めた場合）

■年齢などによって自己負担割合が異なります

義務教育就学前**2割**▶義務教育就学後70歳未満**3割**▶70歳以上75歳未満**2**割または**3割**

■ Nhật Bản là quốc gia có Hệ thống bảo hiểm quốc gia

Tại Nhật Bản, tất cả mọi người phải tham gia bảo hiểm y tế để an tâm hưởng dịch vụ chăm sóc y tế (Hệ thống bảo hiểm quốc gia).

Bảo hiểm sức khỏe quốc gia là một trong những bảo hiểm y tế như vậy, do các tỉnh thành và thành phố, quận, thị trấn và làng xã mà chúng ta sinh sống quản lý điều hành. Bảo hiểm sức khỏe quốc gia là hệ thống bảo hiểm mà người được bảo hiểm cùng đóng góp tiền để giúp đỡ lẫn nhau. Mọi người hãy cùng nhau hợp lực để duy trì Bảo hiểm sức khỏe quốc gia nhằm bảo vệ cuộc sống khỏe mạnh của mình.

●Người tham gia Bảo hiểm sức khỏe quốc gia: Tất cả mọi người phải tham gia Bảo hiểm sức khỏe quốc gia ngoại trừ người đang tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc hoặc người đang tham gia Hệ thống y tế cho người cao tuổi giai đoạn sau.

●Tư cách tham gia: Người có quốc tịch nước ngoài đã được cho phép lưu trú tại Nhật Bản hơn 3 tháng phải tham gia Bảo hiểm sức khỏe quốc gia. Tuy nhiên, những người dưới đây không thể tham gia.

- ●Người đang tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc
- ●Người đang tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc của người trong gia đình với tư cách là người phụ thuộc
- ●Người đang tham gia Hệ thống y tế cho người cao tuổi giai đoạn sau
- ●Người đang hưởng trợ cấp bảo hộ sinh hoạt
- ●Người đã nhập cảnh bằng visa lưu trú điều trị y tế và người đi kèm
- ●Người có tư cách lưu trú với mục đích tham quan/ nghỉ dưỡng

■ Đăng ký Bảo hiểm sức khỏe quốc gia

Cư dân người nước ngoài tương ứng với một trong những trường hợp dưới đây sẽ thuộc đối tượng áp dụng Luật đăng ký cư trú cơ bản.

Cần phải đăng ký trong những trường hợp sau đây. Chủ hộ phải mang Thẻ cư trú trong vòng 14 ngày để đăng ký tại quầy phụ trách Bảo hiểm sức khỏe quốc gia.

★Phải thông báo trong những trường hợp như thế này.

- ● Khi địa chỉ sinh sống, họ và tên, chủ hộ, quốc tịch thay đổi
- ● Khi mất Thẻ bảo hiểm (Thẻ người được bảo hiểm Bảo hiểm sức khỏe quốc gia)

▶Khi tham gia Bảo hiểm sức khỏe quốc gia

1.Khi chuyển chỗ ở đến (nhập cảnh) (trường hợp chưa tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc, v.v...)
2.Khi rời khỏi bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc, v.v... (ngày tiếp theo của ngày thôi việc)
3.Khi sinh con
4.Khi không còn được hưởng trợ cấp bảo hộ sinh hoạt

《Khi chậm trễ trong việc đăng ký tham gia》

●Thuế (phí) bảo hiểm sẽ nộp từ tháng có được tư cách bảo hiểm chứ không phải từ tháng đăng ký tham gia, vì vậy sẽ phải tính ngược lại những tháng trước đó để nộp (truy thu ngược lại).

●Vì không có Thẻ bảo hiểm nên phải tự mình thanh toán toàn bộ chi phí điều trị y tế trong khoảng thời gian đó nếu không có lý do gì đặc biệt.

▶Khi rời khỏi Bảo hiểm sức khỏe quốc gia

1.Khi xuất cảnh
2.Khi chuyển chỗ ở đi
3.Khi tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc, v.v...
4.Khi chết
5.Khi bắt đầu hưởng trợ cấp bảo hộ sinh hoạt

《Khi chậm trễ trong việc đăng ký rời khỏi bảo hiểm》

●Vì có sẵn Thẻ bảo hiểm nên trường hợp vô tình sử dụng nó để được điều trị y tế thì sẽ phải hoàn trả lại phí điều trị y tế mà Bảo hiểm sức khỏe quốc gia đã chi trả.

●Nếu không đăng ký rời khỏi Bảo hiểm sức khỏe quốc gia khi tham gia vào bảo hiểm sức khỏe khác thì có thể sẽ vô tình chi trả cả thuế (phí) bảo hiểm của Bảo hiểm sức khỏe quốc gia và phí điều trị y tế của bảo hiểm sức khỏe khác.

■ Chu cấp được hưởng từ Bảo hiểm sức khỏe quốc gia

《Quyền lợi chăm sóc y tế》

Khi xuất trình Thẻ bảo hiểm tại quầy dịch vụ của bệnh viện, v.v... trong trường hợp bị bệnh tật hoặc thương tích thì có thể được điều trị y tế như sau đây khi chi trả một phần phí điều trị y tế.

▶ Khám bệnh ▶ Điều trị ▶ Điều trị bằng thuốc và tiêm chích, v.v... ▶ Nhập viện và chăm sóc y tế (ngoại trừ tiền ăn khi nhập viện)

▶ Điều dưỡng tại nhà (khám chữa bệnh tại nhà bởi nhân viên y tế) và chăm sóc y tế ▶ Chăm sóc y tế tại nhà (trường hợp nhận thấy cần phải có bác sĩ)

■ Tùy vào độ tuổi, v.v... mà tỷ lệ tự chi trả sẽ khác nhau

Chưa đến tuổi đi học giáo dục phổ cập bắt buộc thì **20%** ▶ Sau khi đi học giáo dục phổ cập bắt buộc cho đến dưới 70 tuổi thì **30%** ▶ Từ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thì **20%** hoặc **30%**

■ 保険税（料）を納めましょう

保険税（料）は、みなさんの医療費にあてられる国保の貴重な財源です。万が一の病気やけがに備え、保険税（料）は必ず納期内に納めましょう。保険税（料）を納める義務は世帯主にあります。

《保険税（料）の決め方》 保険税（料）は年度ごと、世帯ごとに決められます。年度途中で世帯内に異動があったときは、保険税（料）が変更になります。

★所得の申告を忘れずに！

●保険税（料）は、前年の所得などをもとに決められます。正しい所得の申告をお願いします。

《保険税（料）の納め方》納め方は年齢によって異なります。

40歳未満の人▶〔医療保険分〕＋〔後期高齢者支援金分〕

40歳以上65歳未満の人▶

〔医療保険分〕＋〔後期高齢者支援金分〕＋〔介護保険分〕

65歳以上75歳未満の人▶〔医療保険分〕＋〔後期高齢者支援金分〕

世帯内の国保被保険者が全員65歳以上75歳未満で、世帯主も国保被保険者の場合、保険税（料）は原則として世帯主の年金から天引きになります。
※年金から天引きされる人でも、口座振替に原則として変更できます。
※介護保険料は別に納めます。

◆特別な事情もなく保険税（料）を滞納すると

未納期間に応じて下記のような措置がとられます。災害などにより保険税（料）の支払いが困難になった場合は、早めに国保担当窓口にご相談ください。

納期限を過ぎると	督促が行われます。延滞金などを徴収される場合があります。
さらに滞納が続くと	通常の保険証の代わりに有効期限の短い短期被保険者証が交付される場合があります。
納期限から1年間を過ぎると	保険証を返してもらい、代わりに国保被保険者の資格を証明する資格証明書が交付されます。お医者さんにかかるときは、医療費をいったん全額自己負担することになります。

《注意事項》

●国外転入の場合、国民健康保険税算定のために前年中の日本円収入について簡易申告をお願いします。未申告の場合、保険税の軽減を受けることができません。（保険税が逆に高くなってしまいます。）
記載例は次ページです。

■ 保険証は大切に

保険証は国保に加入していることを証明するものです。お医者さんにかかるとき、窓口に提示することにより国保の給付が受けられます。大切なものですから、必ず手元に保管しましょう。

《保険証の正しい取り扱い方》

●保険証を受け取ったら、記載内容に間違いがないか確認しましょう（勝手に書きなおさないでください。無効になります）。
●お医者さんにかかるときには、必ず窓口に提示しましょう。
●他人との貸し借りはできません（法律により罰せられます）。
●コピーしたものや有効期限が切れたものは使えません。
●国保をやめるときは、届け出て、保険証を返却してください。

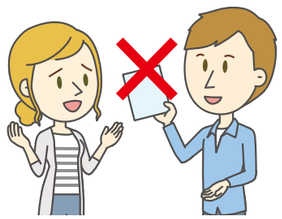

■保険証が使えないとき

病気とみなされないとき

●健康診断・人間ドック ●予防注射 ●正常な妊娠・出産 ●美容整形や歯列矯正
●軽度のわきがやしみ ●経済上の理由による妊娠中絶 など

労災保険の対象となるとき

●業務上のけがや病気（雇用主が負担するべきものです）

こんなときは、国保の給付が制限されます

●故意の犯罪行為や故意の事故
●けんかや泥酔などによる病気やけが
●お医者さんや保険者の指示に従わなかったとき

■ Hãy nộp thuế (phí) bảo hiểm

Thuế (phí) bảo hiểm là nguồn tài chính quý giá của Bảo hiểm sức khỏe quốc gia phí điều trị y tế của mọi người. Hãy nộp thuế (phí) bảo hiểm trong thời hạn quy định để sẵn sàng trong trường hợp vạn bất đắc dĩ bị bệnh tật hoặc thương tích. Nghĩa vụ nộp thuế (phí) bảo hiểm là của chủ hộ.

《Cách quyết định thuế (phí) bảo hiểm》Thuế (phí) bảo hiểm được quyết định theo từng hộ gia đình theo từng năm tài chính. Trường hợp có thay đổi trong hộ gia đình ở giữa năm tài chính thì thuế (phí) bảo hiểm sẽ thay đổi.

★Đừng quên kê khai thu nhập chịu thuế!

●Thuế (phí) bảo hiểm sẽ được quyết định dựa vào thu nhập chịu thuế của năm trước đó, v.v... Vui lòng kê khai chính xác thu nhập chịu thuế.

《Cách nộp thuế (phí) bảo hiểm》Cách nộp khác nhau tùy vào độ tuổi.

Người dưới 40 tuổi▶**〔Phần bảo hiểm y tế〕＋〔Phần tiền hỗ trợ người cao tuổi giai đoạn sau〕**

Người từ 40 tuổi đến dưới 65 tuổi▶**〔Phần bảo hiểm y tế〕＋〔Phần tiền hỗ trợ người cao tuổi giai đoạn sau〕＋〔Phần bảo hiểm chăm sóc hỗ trợ〕**

Người từ 65 tuổi đến dưới 75 tuổi▶**〔Phần bảo hiểm y tế〕＋〔Phần tiền hỗ trợ người cao tuổi giai đoạn sau〕**

Trường hợp toàn bộ người được bảo hiểm của Bảo hiểm sức khỏe quốc gia trong hộ gia đình từ 65 tuổi đến dưới 75 tuổi, chủ hộ gia đình cũng là người được bảo hiểm của Bảo hiểm sức khỏe quốc gia thì về nguyên tắc thuế (phí) bảo hiểm sẽ khấu trừ từ lương hưu của chủ hộ gia đình.
※Ngay cả những người được khấu trừ từ lương hưu thì về nguyên tắc cũng có thể thay đổi sang hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng.
※ Phí bảo hiểm chăm sóc sẽ nộp riêng.

◆Khi chậm nộp thuế (phí) bảo hiểm mà không có lý do đặc biệt

Tùy thuộc vào thời gian chưa nộp sẽ bị xử lý như sau. Trường hợp gặp khó khăn trong việc chi trả thuế (phí) bảo hiểm do thiên tai, v.v... thì vui lòng liên hệ quầy phụ trách Bảo hiểm sức khỏe quốc gia sớm để được tư vấn.

Khi quá thời hạn nộp	Sẽ bị đốc thúc. Có thể sẽ bị truy thu tiền chậm nộp, v.v...
Khi tiếp tục quá hạn hơn nữa	Có thể sẽ được cấp Thẻ người được bảo hiểm ngắn hạn với thời hạn hiệu lực ngắn thay thế cho Thẻ bảo hiểm thông thường.
Khi quá 1 năm của kỳ hạn nộp	Sẽ bị yêu cầu hoàn trả lại Thẻ bảo hiểm, thay vào đó sẽ được cấp Giấy chứng nhận tư cách bảo hiểm để chứng nhận tư cách bảo hiểm của người được bảo hiểm của Bảo hiểm sức khỏe quốc gia. Khi đó, tạm thời sẽ tự mình thanh toán toàn bộ chi phí điều trị y tế khi khám chữa bệnh

《Hạng mục chú ý》

●Trường hợp chuyển chỗ ở từ nước ngoài đến thì vui lòng kê khai đơn giản thu nhập của năm trước đó bằng tiền yên Nhật để tính toán phí Bảo hiểm sức khỏe quốc gia. Trường hợp không kê khai sẽ không được giảm phí bảo hiểm. (Ngược lại, phí bảo hiểm sẽ tăng lên).
Ví dụ ở trang tiếp theo.

■ Hãy giữ gìn cẩn thận Thẻ bảo hiểm

Thẻ bảo hiểm là vật dùng để chứng nhận đang tham gia Bảo hiểm sức khỏe quốc gia. Sẽ được trợ cấp từ Bảo hiểm sức khỏe quốc gia khi xuất trình tại quầy dịch vụ trong trường hợp khám chữa bệnh. Đây là vật rất quan trọng nên phải giữ gìn cẩn thận ở bên mình.

《Các xử lý Thẻ bảo hiểm đúng》

●Sau khi nhận được Thẻ bảo hiểm, hãy kiểm tra xem nội dung mô tả có bị nhầm lẫn hay không (đừng tự ý sửa lại. Sẽ bị vô hiệu nếu tự ý sửa lại).
●Khi khám chữa bệnh, hãy xuất trình tại quầy dịch vụ.
●Không mượn hoặc cho người khác mượn (sẽ bị pháp luật trừng phạt).
●Không thể sử dụng Thẻ bảo hiểm copy hoặc đã hết thời hạn hiệu lực.
●Khi rời khỏi Bảo hiểm sức khỏe quốc gia, hãy thông báo và hoàn trả lại Thẻ bảo hiểm.

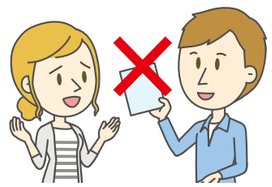

■Khi không thể sử dụng Thẻ bảo hiểm

Khi không được công nhận là bị bệnh

●Khám sức khỏe/ kiểm tra sức khỏe toàn diện ●Tiêm chủng phòng ngừa ●Mang thai/ sinh đẻ thông thường ●Giải phẫu thẩm mỹ hoặc phẫu thuật chỉnh răng ●Chứng hôi nách nhẹ ●Phá thai vì lý do kinh tế v.v...

Khi thuộc đối tượng áp dụng Bảo hiểm tai nạn lao động

●Bị thương tích hoặc bệnh tật trên phạm vi công việc (những trường hợp mà chủ sử dụng lao động phải gánh chịu)

Những trường hợp như thế này sẽ bị hạn chế thụ hưởng Bảo hiểm sức khỏe quốc gia

●Hành vi phạm tội có chủ ý hoặc tai nạn có chủ ý
●Bệnh tật hoặc thương tích do đánh nhau hoặc do say sỉn
●Không tuân theo chỉ thị của bác sĩ hoặc công ty bảo hiểm

記載例

年度
（　年度）

南牧村長宛

受付

国民健康保険税等申告書（簡易申告書）

年1月1日現在の住所：	ベトナム
ﾌﾘｶﾞﾅ	ミナミマキ　タロウ
氏名：	MINAMIMAKI Taro　サイン
住所　：	長野県南佐久郡南牧村板橋○○○番地　△△○○様方
マイナンバー：	
生年月日	1982 年　8 月　12 日 電話番号：

☆①前年中の収入が全くなかった場合該当する箇所に○をし、記入して下さい。

①20○○年　○月　○日 ベトナム　より日本に入国したため国内源泉所得はない
②下記の者の扶養として申告されている。（援助・仕送りされている。）
住所：　氏名：　続柄：
③遺族・障害年金を受給していた。
④雇用保険（失業保険）を受給していた。
④預貯金により生活している。

☆②前年1月から12月までの所得等該当箇所に記入して下さい。（円）

区分	収入	所得	支払者	区分	収入	必要経費	所得
給与				営業			
年金				農業			
				不動産			
				譲渡			
				株・配当			

※営業・農業・不動産の必要経費は別途収支内訳書を作成いただきます。株・配当は金額がわかる書類を提示して下さい。

☆③ご本人と扶養親族等の状況　該当箇所に○をし、記入して下さい。

ご本人	寡婦（夫）控除　（特定）　離別　死別　生死不明					
	障害控除 障害手帳等の種類　等級					
	未成年					
区分	氏名	続柄	生年月日	同居	障害	専従者給与
配偶者						
扶養親族						

☆④所得から差し引かれる金額　該当箇所に○をし、金額がわかる領収書等を提示して下さい。

国民健康保険 国民年金 後期高齢者医療保険料 介護保険料　給与・年金から差し引かれた社会保険料
生命保険料　医療費　損害保険料
寄付金

Ví dụ

年度
（　年度）

南牧村長宛

受付

国民健康保険税等申告書（簡易申告書）

年1月1日現在の住所：	ベトナム
ﾌﾘｶﾞﾅ	タロウ　ミナミマキ
氏名：	Taro MINAMIMAKI　サイン
住所　：	長野県南佐久郡南牧村板橋○○○番地　△△○○様方
マイナンバー：	
生年月日	1982 年　8 月　12 日 電話番号：

☆①前年中の収入が全くなかった場合該当する箇所に○をし、記入して下さい。

①20○○年　○月　○日 ベトナム　より日本に入国したため国内源泉所得はない
②下記の者の扶養として申告されている。（援助・仕送りされている。）
住所：　氏名：　続柄：
③遺族・障害年金を受給していた。
④雇用保険（失業保険）を受給していた。
④預貯金により生活している。

☆②前年1月から12月までの所得等該当箇所に記入して下さい。（円）

区分	収入	所得	支払者	区分	収入	必要経費	所得
給与				営業			
年金				農業			
				不動産			
				譲渡			
				株・配当			

※営業・農業・不動産の必要経費は別途収支内訳書を作成いただきます。株・配当は金額がわかる書類を提示して下さい。

☆③ご本人と扶養親族等の状況　該当箇所に○をし、記入して下さい。

ご本人	寡婦（夫）控除　（特定）　離別　死別　生死不明					
	障害控除 障害手帳等の種類　等級					
	未成年					
区分	氏名	続柄	生年月日	同居	障害	専従者給与
配偶者						
扶養親族						

☆④所得から差し引かれる金額　該当箇所に○をし、金額がわかる領収書等を提示して下さい。

国民健康保険 国民年金 後期高齢者医療保険料 介護保険料　給与・年金から差し引かれた社会保険料
生命保険料　医療費　損害保険料
寄付金

日本の国民年金制度

■ 国民年金などの公的年金の概要

①日本に住む20歳以上60歳未満の方は、外国人の方を含めて国民年金に加入し、保険料を納めることが法律で義務づけられています。

■ 国民年金の加入者と加入の手続

国民年金の加入の手続きは次のとおりとなっています。

①第1号被保険者

日本に住む20歳以上60歳未満の方で、次の第2号被保険者に該当しない方。

→第1号被保険者に該当する外国人の方は、住民票作成を行った後、同じ窓口で加入手続を行います。

→保険料は日本年金機構から送付される納付書により納めてください。(「月々の保険料」参照)

②第2号被保険者

会社や工場等にお勤めの方で、厚生年金保険等に加入している方。

→加入手続は、会社等の事業主が行いますので、ご本人の手続きは不要です。詳しいことは勤務先へお尋ねください。

→保険料は給与から源泉控除され、事業主が納めます。

■ 年金手帳

国民年金の加入手続きが終わると年金手帳が交付されます。年金手帳は年金を受けるときや相談を行うときの身分確認として、大変大切なものです。一生使いますので大切に保管してください。

また、紛失等された場合は、第1号被保険者の方は年金事務所又は役場国民年金担当窓口で、第2号被保険者の方は年金事務所又は事業主を経由して、申請手続きを行ってください。

■ 月々の保険料

詳しくはこちらをご覧ください。▶**日本年金機構ホームページ　URL　https://www.nenkin.go.jp.**

保険料の納付は、銀行等の金融機関、郵便局、コンビニエンスストア等の窓口で現金による納付のほか、口座振替やインターネットを利用する方法もあります。

免除制度の種類	保険料額	老齢基礎年金の額
全額免除	0円	8分の4
4分の1納付（4分の3免除）	4,100円	8分の5
半額納付（半額免除）	8,210円	8分の6
4分の3納付（4分の1免除）	12,310円	8分の7
納付猶予	0円	0
学生納付特例制度	0円	0

■ 脱退一時金

国民年金の保険料納付済期間（第2号、第3号期間は除く）などの合計が6ヶ月以上あり、老齢基礎年金の受給資格期間を満たしていない外国人の方が、日本国内に住所を有しなくなった日から2年以内に脱退一時金を請求していただくことができます。

脱退一時金の額は、保険料納付月数に応じて、右のとおりとなっています。（最終納付月が令和元年度である場合）

※保険料納付済期間の合計は、以下により計算されます。

全額納付月数＋（4分の1納付月数）×1/4＋（半額納付月数）×1/2＋（4分の3納付月数）×3/4

保険料納付済み期間の合計※	支給額
6ヶ月以上12ヶ月未満	49,230円
12ヶ月以上18ヶ月未満	98,460円
18ヶ月以上24ヶ月未満	147,690円
24ヶ月以上30ヶ月未満	196,920円
30ヶ月以上36ヶ月未満	246,150円
36ヶ月以上	295,380円

【請求手続き】

①日本国内に住所を有しなくなったことから、転出届を届け出る際には、一緒に国民年金の資格喪失届を提出してください。また、脱退一時金の裁定請求書を取り寄せてください。裁定請求書の用紙は、役場国民年金担当窓口、全国の年金事務所又は日本年金機構ホームページにご用意しています。

Hệ thống hưu trí quốc gia của Nhật Bản

■ Tổng quan về tiền trợ cấp hàng năm của nhà nước như hưu trí quốc gia, v.v...

① Bao gồm cả người nước ngoài, những người từ 20 tuổi đến dưới 60 tuổi sống ở Nhật Bản bắt buộc phải tham gia hưu trí quốc gia và nộp phí bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

■ Người tham gia hưu trí quốc gia và thủ tục tham gia

Thủ tục tham gia hưu trí quốc gia như sau.

①Người được bảo hiểm loại 1

Người từ 20 tuổi đến dưới 60 tuổi sống ở Nhật Bản và không tương ứng với Người được bảo hiểm loại 2 như sau.

→ Đối với người nước ngoài tương ứng với Người được bảo hiểm loại 1 thì sau khi lập Phiếu cư trú thì tiến hành thủ tục tham gia tại cùng quầy dịch vụ.

→ Hãy nộp phí bảo hiểm bằng biểu mẫu thanh toán được gửi từ Tổ chức hưu trí Nhật Bản. (Tham khảo "Phí bảo hiểm hàng tháng")

② Người được bảo hiểm loại 2

Người làm việc tại công ty hoặc nhà máy, v.v... và đang tham gia Bảo hiểm hưu trí phúc lợi, v.v...

→ Thủ tục tham gia sẽ do chủ công ty, v.v... thực hiện nên bản thân người đó không cần làm thủ tục. Vui lòng hỏi nơi làm việc để biết thêm thông tin chi tiết.

→ Phí bảo hiểm sẽ được khấu trừ tại nguồn từ tiền lương và chủ doanh nghiệp sẽ nộp.

■ Sổ hưu trí

Sổ hưu trí sẽ được cấp khi hoàn thành thủ tục tham gia hưu trí quốc gia. Sổ hưu trí là vật rất cần thiết khi hưởng lương hưu hoặc dùng để xác nhận thân thế khi liên hệ tư vấn. Sẽ sử dụng suốt đời nên hãy bảo quản cẩn thận.

Ngoài ra, trong trường hợp bị mất mát, v.v... thì đối với Người được bảo hiểm loại 1 hãy làm thủ tục đăng ký tại văn phòng hưu trí hoặc tại quầy phụ trách hưu trí quốc gia ở trụ sở hành chính, đối với Người được bảo hiểm loại 2 thì thông qua văn phòng hưu trí hoặc chủ doanh nghiệp để làm thủ tục đăng ký.

■ Phí bảo hiểm hàng tháng

Vui lòng xem ở đây để biết thêm chi tiết. ▶**Website của Tổ chức hưu trí Nhật Bản**

URL https://www.nenkin.go.jp

Phí bảo hiểm có thể nộp bằng tiền mặt tại các tổ chức tín dụng như ngân hàng, v.v..., bưu điện, cửa hàng tiện lợi, v.v..., chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng hoặc sử dụng internet

Các loại cơ chế miễn trừ	Số tiền phí bảo hiểm	Hưu trí cơ bản cho người cao tuổi
Tổng số tiền miễn trừ	0 yên	4/8
Nộp 1/4 (miễn 3/4)	4.100 yên	5/8
Nộp một nửa số tiền (miễn một nửa)	8.210 yên	6/8
Nộp 3/4 (miễn 1/4)	12.310 yên	7/8
Hoãn nộp	0 yên	0
Hệ thống đặc biệt sinh viên nộp	0 yên	0

■ Trợ cấp một lần khi rời khỏi

Người nước ngoài có tổng thời gian đã nộp phí bảo hiểm hưu trí quốc gia, v.v... (ngoại trừ khoảng thời gian của Loại 2 và Loại 3) là 6 tháng trở lên và chưa đủ thời gian được có tư cách nhận trợ cấp hưu trí cơ bản cho người cao tuổi có thể yêu cầu thanh toán trợ cấp một lần khi rời khỏi trong vòng 2 năm kể từ ngày không còn địa chỉ sinh sống tại Nhật Bản.

Số tiền trợ cấp một lần khi rời khỏi như bên phải tùy vào số tháng nộp phí bảo hiểm. (Trường hợp tháng nộp cuối cùng vào năm tài chính 2019)

※Tổng thời gian đã nộp phí bảo hiểm sẽ được tính như dưới đây.

Tổng thời gian đã nộp phí bảo hiểm※	Số tiền chu cấp
Từ 6 tháng đến dưới 12 tháng	49.230 yên
Từ 12 tháng đến dưới 18 tháng	98.460 yên
Từ 18 tháng đến dưới 24 tháng	147.690 yên
Từ 24 tháng đến dưới 30 tháng	196.920 yên
Từ 30 tháng đến dưới 36 tháng	246.150 yên
Từ 36 tháng trở lên	295.380 yên

Số tháng nộp toàn bộ số tiền ＋ (1/4 số tháng nộp) x 1/4 ＋ (số tháng nộp nửa số tiền) x 1/2 ＋ (3/4 số tháng nộp) x 3/4

【Thủ tục yêu cầu thanh toán】

① Hãy nộp cả thông báo mất tư cách hưu trí quốc gia khi nộp thông báo chuyển chỗ ở đi do không còn địa chỉ sinh sống tại Nhật Bản. Ngoài ra, hãy xin bản yêu cầu thanh toán tiền trợ cấp một lần khi rời khỏi. Mẫu yêu cầu thanh toán có sẵn tại quầy phụ trách hưu trí quốc gia ở trụ sở hành chính, văn phòng hưu trí trên toàn quốc hoặc trên website của Tổ chức hưu trí Nhật Bản.

②裁定請求書を提出する際には、請求書に記載している注意事項をご確認いただき、必要な事項を記入のうえ、〒168-8505　東京都杉並区高井戸西3-5-24　日本年金機構あてに、エアメールでお送りください。
※脱退一時金を受け取ると、その支給対象となった期間は保険料納付済期間とはならないので、ご注意ください。

■　社会保障協定について

日本との二国間で、年金制度の二重加入を防止するとともに、外国の年金制度の加入期間を取り入れ年金がうけられるように協定を締結している国があります。詳しくは日本年金機構ホームページをご覧下さい。

■　国民年金に関する相談・お問い合わせ先

国民年金に関するお問い合わせは、年金手帳を持参の上、役場国民年金担当又は年金事務所までお願いします。
お電話によるお問い合わせの場合は、下記の「ねんきんダイヤル」へお電話ください。（日本語によるサービスです。）また、お問い合わせの際は、年金番号が記載された年金手帳等の資料をご利用ください。
「ねんきんダイヤル」0570-05-1165　※050で始まる電話でおかけになる場合03-6700-1165

国民年金保険料　免除・納付猶予の申請について　「一般用」

保険料を支払うことが経済的に困難な場合、毎年の申請により保険料の支払いが「免除」または「猶予」される申請手続きをすることができます。前年所得などを審査して承認された場合は、保険料の支払いが「免除」または「猶予」されます。（この申請手続きは毎年必要です。）
この申請手続きを行うことで、あなたが将来年金を受け取る権利を確保するだけでなく、あなたが万が一、事故などにあい、障害を負ったときに障害基礎年金を受け取ることができる権利を確保することができます。

①免除（全額免除・一部免除）申請

あなたやあなたの配偶者、世帯主それぞれの前年所得が一定額以下の場合や失業等の理由がある場合、申請により保険料の納付が全額免除または一部免除となります。（一部免除の場合、減額された保険料を納付しないと一部免除が無効となり、未納期間となりますので、必ず減額された保険料を納付してください。）

【申請時の注意点】

●**申請する年度について**
◆免除等の1年度は7月～翌年6月までです。（7月から始まり翌年6月までの1年間です。）
◆翌年度も引き続き免除等の申請を希望する場合は、改めて7月に申請手続きが必要です。
（「継続希望」している場合は不要です。）

●**免除等が申請できる期間**
◆過去の年度分……申請書が受理された月から2年1カ月前（すでに保険料が納付済の月を除く）まで、
◆今年度分……年度6月（1月～6月に申請したときは、その年の6月）分まで。
ただし、1枚の申請書で申請できるのは、7月から次の年の6月までの12カ月間となりますので、必要に応じて複数の申請書を提出してください。
※過去の年度分は2年1カ月前まで申請できますが、申請が遅れると障害年金を受け取れないなどの不利益が生じる場合がありますので、すみやかに申請をしてください。

●**添付書類**…失業・倒産・事業の廃止などの理由として申請するときは、証明書類（雇用保険受給資格者証または、雇用保険被保険者離職票のコピーなど）を添付してください。その他、必要な添付書類は、役場国民年金担当窓口または年金事務所へお尋ねください。

【申請書の提出先等】　●この申請書の提出先は、役場国民年金担当窓口、または年金事務所（郵送による提出も可能）です。

※国民年金保険料の免除・納付猶予を申告する場合、申請書記入例がP14にありますので、ご覧ください。

② Khi nộp bản yêu cầu thanh toán, hãy xác nhận những hạng mục lưu ý được ghi trong bản yêu cầu thanh toán, điền những hạng mục cần thiết và **gửi thư bằng đường hàng không về Tổ chức hưu trí Nhật Bản, địa chỉ: 3-5-24 Takaidonishi, quận Suginami, thủ đô Tokyo 168-8505.**
※ Khi nhận tiền trợ cấp một lần khi rời khỏi, khoảng thời gian áp dụng chu cấp sẽ không phải là thời gian đã nộp phí bảo hiểm nên hãy chú ý.

■ Về Hiệp định an sinh xã hội

Có một số quốc gia đã ký kết hiệp định song phương với Nhật Bản để phòng ngừa việc tham gia hệ thống hưu trí chồng chéo cũng như tiếp nhận khoảng thời gian tham gia hệ thống hưu trí ở nước ngoài để trả tiền hưu trí. Vui lòng xem website của Tổ chức hưu trí Nhật Bản để biết thêm chi tiết.

■ Tư vấn liên quan đến hưu trí quốc gia/ nơi liên hệ

Để thảo luận các vấn đề liên quan đến hưu trí quốc gia, vui lòng mang theo Sổ hưu trí đến quầy phụ trách hưu trí quốc gia ở trụ sở hành chính hoặc văn phòng hưu trí.
Trường hợp liên hệ trao đổi qua điện thoại thì vui lòng điện thoại đến số điện thoại “Nenkin Dial” dưới đây. (Đây là dịch vụ hỗ trợ bằng tiếng Nhật). Ngoài ra, khi liên hệ hãy sử dụng các tài liệu như Sổ hưu trí, v.v... có ghi số điện thoại hưu trí.
Số điện thoại “Nenkin Dial”: 0570-05-1165　※ Trường hợp gọi bằng điện thoại bắt đầu bằng số 050 thì gọi vào số: 03-6700-1165

Phí bảo hiểm hưu trí quốc gia: Về việc miễn trừ/ hoãn nộp “Dùng cho thông thường”

Trường hợp gặp khó khăn trong việc chi trả phí bảo hiểm vì lý do kinh tế thì có thể làm đơn hàng năm để đề nghị được “Miễn trừ” hoặc “Hoãn” nộp. Trường hợp thẩm định thu nhập chịu thuế của năm trước, v.v... và được chấp nhận, việc chi trả phí bảo hiểm sẽ được “Miễn trừ” hoặc “Hoãn”. (Thủ tục đăng ký này phải thực hiện hàng năm).
Bằng việc thực hiện thủ tục đề nghị này, chẳng những bạn được đảm bảo quyền lợi được hưởng hưu trí trong tương lai mà còn có thể đảm bảo quyền lợi được hưởng hưu trí cơ bản cho người khuyết tật trong trường hợp vạn bất đắc dĩ bị gặp tai nạn, v.v... phải mang thương tật.

① Đề nghị miễn trừ (miễn trừ toàn bộ số tiền/ miễn trừ một phần)

Trường hợp bạn, người phối ngẫu của bạn hoặc chủ hộ có thu nhập chịu thuế của năm trước đó từ một số tiền nhất định trở xuống hoặc vì những lý do khác như thất nghiệp, v.v..., khi làm Đơn đề nghị sẽ được miễn toàn bộ số tiền hoặc miễn một phần phí bảo hiểm. (Trường hợp được miễn một phần, nếu không nộp phí bảo hiểm của phần đã được giảm sẽ không được miễn một phần và sẽ được xem là khoảng thời gian chưa nộp nên nhất định hãy nộp phí bảo hiểm đã được giảm).

【Lưu ý khi làm Đơn đề nghị】

●Về năm tài chính đề nghị
◆1 năm tài chính miễn trừ, v.v... sẽ tính từ tháng 7 đến tháng 6 của năm tiếp theo. (1 năm bắt đầu từ tháng 7 đến tháng 6 của năm tiếp theo).
◆Trường hợp năm tài chính kế tiếp cũng tiếp tục đề nghị miễn trừ, v.v... thì cần phải làm thủ tục đề nghị lại vào tháng 7. (Trường hợp “Mong muốn tiếp tục” thì không cần).

●**Khoảng thời gian có thể đề nghị miễn trừ, v.v...**
◆**Phần của năm tài chính trước**: Từ tháng Đơn đề nghị được thụ lý đến 2 năm 1 tháng trước đó (ngoại trừ tháng đã nộp phí bảo hiểm).
◆**Phần của năm tài chính này**: Đến phần của tháng 6 của năm tài chính (khi làm Đơn đề nghị vào tháng 1 ~ tháng 6 thì đến tháng 6 của năm đó).
Tuy nhiên, nếu 1 Đơn đề nghị chỉ có thể đề nghị được khoảng thời gian 12 tháng từ tháng 7 đến tháng 6 năm sau nên hãy nộp nhiều Đơn đề nghị khi cần thiết.
※ Phần của năm tài chính trước có thể đề nghị đến 2 năm 1 tháng trước, tuy nhiên nếu làm Đơn đề nghị chậm trễ thì có trường hợp phát sinh thiệt thòi như không thể nhận được trợ cấp thường niên cho người khuyết tật, vì vậy hãy làm Đơn đề nghị sớm.

●**Hồ sơ đính kèm**: Khi làm Đơn đề nghị với lý do thất nghiệp/ phá sản/ dừng hoạt động kinh doanh, v.v... thì hãy đính kèm hồ sơ chứng minh (bản sao Chứng nhận tư cách hưởng bảo hiểm việc làm hoặc Phiếu nghỉ việc người được bảo hiểm Bảo hiểm việc làm, v.v...). Ngoài ra, những hồ sơ đính kèm cần thiết khác thì vui lòng hỏi quầy phụ trách hưu trí quốc gia ở trụ sở hành chính hoặc văn phòng hưu trí.

【Nơi nộp Đơn đề nghị, v.v...】 ●Nơi nộp Đơn đề nghị này là quầy phụ trách hưu trí quốc gia ở trụ sở hành chính hoặc văn phòng hưu trí (có thể nộp bằng cách gửi qua bưu điện).
※Trường hợp kê khai miễn trừ/ hoãn nộp phí bảo hiểm hưu trí quốc gia thì hãy xem ví dụ mẫu về cách điền Đơn đề nghị ở Trang 14.

記入例

国民年金保険料免除・納付猶予申請書の記入例です。国民年金保険料の免除・猶予を申請する場合、あなたが記入する部分は赤字の部分です。（日本語または英語（アルファベット表記）で記入してください。数字はアラビア数字で記入してください。なお、記入内容が普明の場合、日本語での記載をお願いする場合があります。

●あなたが免除・納付猶予申請をするという意思表示の欄です。また、あなたの配偶者と世帯主の記入に漏れがないこと、前年の所得についての記入誤りがないこと、この申請に必要なあなたや、あなたの配偶者、世帯主に関する情報（所得情報等）の確認を日本年金機構に委任することを承諾する欄です。
※「提出年月日」、提出日時点の住民票の住所、あなたの氏名（パスポートに記載のアルファベット表記）を記入してください。

●継続希望について来年以降希望しない場合のみ○をしてください。

様式コード 4 6 3 5

国民年金保険料免除・納付猶予申請書

日本年金機構理事長　あて　令和○○年○○月○○日

以下のとおり免除・納付猶予を申請します。
また、配偶者および世帯主の記入に漏れがないことを申し立てします。
この申請に必要な本人、配偶者および世帯主に関する情報（所得情報、生活保護受給情報等）の確認について、市区町村（前住所地等を含む）および日本年金機構に委託します。

〒 123 －4567
住所：○○市○○町○○1—2—3
被保険者氏名：国年　太郎　（被保険者本人が自署した場合は押印は不要です）

●マイナンバー（個人番号）または基礎年金番号を記入してください（基礎年金番号で申請する場合は左詰めで記入してください）。

●あなたの電話番号を記入してください。
●生年月日を記入してください。（西暦で記入してください）

基礎年金番号（10桁）で申請する場合は「①個人番号（または基礎年金番号）」に左詰めで記入してください。

A. 基本情報	①個人番号（または基礎年金番号）	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1	②電話番号 ①自宅 2.携帯電話 3.勤務先 4.その他 00－0000－0000
	③被保険者氏名	（フリガナ）コクネン　タロウ　国年　太郎	④被保険者生年月日 5.昭和 ⑦平成 0 4 年 0 5 月 2 0 日
	⑤配偶者氏名	（フリガナ）コクネン　ハナコ　国年　花子	⑥配偶者生年月日 5.昭和 ⑦平成 0 4 年 0 8 月 1 0 日
	⑦世帯主氏名	（フリガナ）コクネン　イチロウ　国年　一郎	※ 世帯主氏名は被保険者または配偶者以外が世帯主である場合にご記入ください。
	⑧特記事項	◆ 税申告された住所地（申告年の1月1日時点等）が現在所地と異なる場合は、その住所を記入してください。 ◆ 配偶者が別世帯の場合は、配偶者の個人番号（12桁の番号）を記入してください。 ◆ 申請期間中の世帯状況に変更（結婚・離婚・世帯主変更等）があった場合は、変更事由、対象者氏名および変更年月日等を記入してください。 令和2年1月1日時点本人住所　○○県○○郡○○町○—○ 令和2年1月1日世帯主変更　前世帯主　国年　高子 （配偶者が別世帯の場合）配偶者の個人番号（　0000 － 0000 － 0000　）	
B. 申請内容	⑨免除等区分	◆ ⑨免除等区分は基本的に記入不要です。記入がない場合は、以下の免除等区分について1～5の順に全て審査します。審査を希望しない免除等区分がある場合は、該当する数字を「×」で抹消してください。 ※ 「納付猶予」は、50歳未満の期間が対象となり、年金を受け取るために必要な期間に算入されます。「納付猶予」の審査順序を変更する場合は、その旨を「⑭備考」欄に記入してください。 1．全額免除（保険料全額を免除）　2．納付猶予（保険料納付を猶予）　3．4分の3免除（保険料1/4納付が必要）　4．半額免除（保険料1/2納付が必要）　5．4分の1免除（保険料3/4納付が必要）	
	⑩申請期間	平成 令和 ○○ 年度分	
	⑪16歳以上19歳未満の扶養親族	被保険者：16歳以上19歳未満の扶養親族　あり（　人）・なし 配偶者　：16歳以上19歳未満の扶養親族　あり（　人）・なし 世帯主　：16歳以上19歳未満の扶養親族　あり（2 人）・なし	
	⑫特例認定区分（添付書類要確認）	被保険者：1．失業 平成 令和 年 月 日 ⇒ 雇用保険加入（あり・なし）　2．天災等　3．その他（　） 配偶者　：1．失業 平成 令和 年 月 日 ⇒ 雇用保険加入（あり・なし）　2．天災等　3．その他（　） 世帯主　：1．失業 平成 令和 ○○年 ○ 月○○日 ⇒ 雇用保険加入（あり・なし）　2．天災等　3．その他（　）	
	⑬継続希望	1．「全額免除」または「納付猶予」が承認された場合は、翌年度以降も同じ免除区分での免除申請を希望します。希望しない場合は（　　）を○で囲んでください。 希望しません 2．1を希望した上で、納付猶予が承認された次の年度において全額免除の審査基準に該当する場合、その年度以降は全額免除を希望します。希望しない場合は（　　）を○で囲んでください。 希望しません	
	⑭備考		

●申請年度の1月1日時点に居住していた国が日本以外の場合は国名を記入してください。（例：あなたが現在は日本に居住、2019.1.1時点はアメリカ合衆国に居住していた場合は、あなたの氏名とアメリカ合衆国と記入してください。）

●あなたが免除・納付猶予を希望する年度を記入してください。
●免除・納付猶予での年度は、7月～翌年6月までです。（例）令和元年度分（2019年度分）→2019.7～2020.6
●過去の年度分は、申請書が受理された月から2年1カ月前まで（すでに保険料が納付された月を除く）まで申請することができます。

※ 所得に関する情報について、関係法令に基づき、申告義務がある場合には、正しく申告する必要があります。

Ví dụ mẫu về cách điền

Ví dụ mẫu về cách điền Đơn đề nghị miễn trừ/ hoãn nộp phí bảo hiểm hưu trí quốc gia. Trường hợp đề nghị miễn trừ/ hoãn nộp phí bảo hiểm hưu trí quốc gia thì phần mà bạn phải điền là phần chữ màu đỏ. (Hãy điền bằng tiếng Anh (chữ cái Latinh) hoặc tiếng Nhật. Chữ số thì hãy điền bằng chữ số Ả Rập). Ngoài ra, trường hợp nội dung điền không rõ ràng có thể sẽ được yêu cầu điền bằng tiếng Nhật.

●Đây là cột thể hiện ý định bạn làm Đơn đề nghị miễn trừ/ hoãn nộp. Ngoài ra, đây là cột bạn đã xác nhận đảm bảo không điền thiếu người phối ngẫu của bạn và chủ hộ, không có sai sót trong nội dung điền về thu nhập chịu thuế của năm trước, đồng ý ủy quyền cho Tổ chức hưu trí Nhật Bản xác nhận thông tin liên quan đến bạn, người phối ngẫu của bạn và chủ hộ cần thiết cho Đơn đề nghị này (thông tin thu nhập chịu thuế, v.v...).
※Hãy điền Ngày tháng năm nộp, địa chỉ trong Phiếu cư trú tại thời điểm nộp, họ và tên của bạn (ghi bằng chữ cái Latinh như trong hộ chiếu).

●Về mục "Mong muốn tiếp tục" thì chỉ khoanh○ trong trường hợp không mong muốn từ năm sau trở đi.

様式コード 4 6 3 5

国民年金保険料免除・納付猶予申請書

日本年金機構理事長　あて　令和○○年○○月○○日

以下のとおり免除・納付猶予を申請します。
また、配偶者および世帯主の記入に漏れがないことを申し立てします。
この申請に必要な本人、配偶者および世帯主に関する情報（所得情報、生活保護受給情報等）の確認について、市区町村（前住所地等を含む）および日本年金機構に委託します。

〒 123 －4567
住所：○○市○○町○○1—2—3
被保険者氏名：Taro Kokunen　（被保険者本人が自署した場合は押印は不要です）

●Hãy điền mã số cá nhân (My number) hoặc mã số hưu trí cơ bản (trường hợp đề nghị bằng mã số hưu trí cơ bản thì hãy điền về phía bên trái).

●Hãy điền số điện thoại của bạn.
●Hãy điền ngày tháng năm sinh. (Hãy điền bằng dương lịch)

基礎年金番号（10桁）で申請する場合は「①個人番号（または基礎年金番号）」に左詰めで記入してください。

A. 基本情報	①個人番号（または基礎年金番号）	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1	②電話番号 ①自宅 2.携帯電話 3.勤務先 4.その他 00－0000－0000
	③被保険者氏名	（フリガナ）タロウ　コクネン　Taro　Kokunen	④被保険者生年月日 5.昭和 ⑦平成 0 4 年 0 5 月 2 0 日
	⑤配偶者氏名	（フリガナ）ハナコ　コクネン　Hanako　Kokunen	⑥配偶者生年月日 5.昭和 ⑦平成 0 4 年 0 8 月 1 0 日
	⑦世帯主氏名	（フリガナ）イチロウ　コクネン　Ichiro　Kokunen	※ 世帯主氏名は被保険者または配偶者以外が世帯主である場合にご記入ください。
	⑧特記事項	◆ 税申告された住所地（申告年の1月1日時点等）が現在所地と異なる場合は、その住所を記入してください。 ◆ 配偶者が別世帯の場合は、配偶者の個人番号（12桁の番号）を記入してください。 ◆ 申請期間中の世帯状況に変更（結婚・離婚・世帯主変更等）があった場合は、変更事由、対象者氏名および変更年月日等を記入してください。 令和2年1月1日時点本人住所　○○県○○郡○○町○—○ 令和2年1月1日世帯主変更　前世帯主　国年　高子 （配偶者が別世帯の場合）配偶者の個人番号（　0000 － 0000 － 0000　）	
B. 申請内容	⑨免除等区分	◆ ⑨免除等区分は基本的に記入不要です。記入がない場合は、以下の免除等区分について1～5の順に全て審査します。審査を希望しない免除等区分がある場合は、該当する数字を「×」で抹消してください。 ※ 「納付猶予」は、50歳未満の期間が対象となり、年金を受け取るために必要な期間に算入されます。「納付猶予」の審査順序を変更する場合は、その旨を「⑭備考」欄に記入してください。 1．全額免除（保険料全額を免除）　2．納付猶予（保険料納付を猶予）　3．4分の3免除（保険料1/4納付が必要）　4．半額免除（保険料1/2納付が必要）　5．4分の1免除（保険料3/4納付が必要）	
	⑩申請期間	平成 令和 ○○ 年度分	
	⑪16歳以上19歳未満の扶養親族	被保険者：16歳以上19歳未満の扶養親族　あり（　人）・なし 配偶者　：16歳以上19歳未満の扶養親族　あり（　人）・なし 世帯主　：16歳以上19歳未満の扶養親族　あり（2 人）・なし	
	⑫特例認定区分（添付書類要確認）	被保険者：1．失業 平成 令和 年 月 日 ⇒ 雇用保険加入（あり・なし）　2．天災等　3．その他（　） 配偶者　：1．失業 平成 令和 年 月 日 ⇒ 雇用保険加入（あり・なし）　2．天災等　3．その他（　） 世帯主　：1．失業 平成 令和 ○○年 ○ 月○○日 ⇒ 雇用保険加入（あり・なし）　2．天災等　3．その他（　）	
	⑬継続希望	1．「全額免除」または「納付猶予」が承認された場合は、翌年度以降も同じ免除区分での免除申請を希望します。希望しない場合は（　　）を○で囲んでください。 希望しません 2．1を希望した上で、納付猶予が承認された次の年度において全額免除の審査基準に該当する場合、その年度以降は全額免除を希望します。希望しない場合は（　　）を○で囲んでください。 希望しません	
	⑭備考		

●Trường hợp quốc gia đã lưu trú tại thời điểm ngày 1 tháng 1 của năm tài chính đề nghị không phải là Nhật Bản thì hãy điền tên quốc gia vào. (Ví dụ: trường hợp hiện tại bạn đang lưu trú ở Nhật Bản, thời điểm 1/1/2019 bạn đã lưu trú ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ thì hãy điền họ và tên của bạn và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ vào).

●Hãy điền năm tài chính mà bạn mong muốn được miễn trừ/ hoãn nộp.
●Năm tài chính miễn trừ/ hoãn nộp sẽ tính từ tháng 7 đến tháng 6 của năm tiếp theo. Ví dụ: Phần của năm tài chính 2019 → 7/2019 ~ 6/2020
●Phần của năm tài chính trước có thể đề nghị từ tháng Đơn đề nghị được thụ lý đến 2 năm 1 tháng trước đó (ngoại trừ tháng đã nộp phí bảo hiểm).

※ 所得に関する情報について、関係法令に基づき、申告義務がある場合には、正しく申告する必要があります。

■ はじめに

住民税は、住みよい地域社会をつくるために必要な費用を、住民のみなさまにそれぞれの負担能力に応じて分担していただく、という性格の税金です。一般的に、市町村民税と道府県民税の総称が「住民税」です。
また、個人だけでなく、会社等の法人も地域社会の一員として行政サービスを受けているという考えから、住民税には個人にかかる「個人住民税」と法人にかかる「法人住民税」があります。
ここでは、個人にかかる「個人住民税」について説明します。

■ 個人住民税

個人住民税は、個人村民税と個人県民税をあわせたもので、1月1日現在、南牧村に住んでいる方が村と県に納める税金です。前年中に所得がある方に「均等割額」と「所得割額」の合計額が課税されます。
なお、日本との租税条約によって個人住民税が軽減または免除される場合があります。

◆納税義務者

南牧村に住所がある方	A＋B
南牧村に住所はないが、事業所、事務所、家屋敷を所有する方（＊家屋敷課税）	A

A　均等割額		B　所得割額の税率	
村民税	県民税	村民税	県民税
3,500円	2,000円	6％	4％
村民税	県民税	村民税	県民税

所得割額は、前年中の所得金額から所得控除後を差し引いた課税標準額を基礎として計算します。

■ 申告について

個人住民税は、1月1日から12月31日までの1年間に得た所得に対して課税されますので、前年中の所得額および控除額について、毎年3月15日までに申告していただく必要があります。
この申告は、国民健康保険税の算定や各種福祉手当の受給判定および所得・課税等、税金に関する証明書の交付等に必要となります。ただし、下記に該当する方は申告の必要がありません。

◆税務署に所得税の確定申告書を提出する（した）方
◆前年中の収入が給与収入のみで、勤務先から給与支払報告書が提出されている方

なお、給与支払報告書が提出されているか不明な方は、各勤務先に確認してください。
各種控除の内容に変更、追加等がある方は、申告が必要となりますのでご注意ください。

■ 村外へ転出または出国するとき

個人住民税は、1月1日現在、住所がある市町村で課税されるため、1月1日以降に村外へ転出または出国する場合は、南牧村に税金を納めなければなりません。
納税通知書の通知等は転出先の住所に送付しますので、指定金融等窓口または口座振替にて納付してください。
なお、年度途中で出国する場合は、帰国する前に個人住民税の年税額を納めていただくか、納税管理人（代わりに納めてくれる方）を指定し、届出していただく必要があります。

■ 納付方法

個人住民税の納付方法については、下記のとおりです。

◆普通徴収
納税義務者が村から送付される納税通知書により、指定金融機関等窓口または口座振替にて納付します。

◆特別徴収
給与支払者が納税義務者の代わりに納付します。原則、給与所得者は給与からの特別徴収となります。

■ 納期

納期限は各月の末日です。個人住民税を納める必要がある方は、定められた納期限までに納めてください。
なお、納期限が土曜日・日曜日・祝日、または12月29日から翌年1月3日にあたる場合は、翌日が納期限となります。

納付方法	納付月	納期限
普通徴収	6、8、10、1月（年4回）	納付月の毎月末
特別徴収	6月～5月までの毎月（年12回）	納付月翌月の毎10日

■ Lời nói đầu

Thuế cư trú là tiền thuế có bản chất là những người cư trú chia sẻ trách nhiệm gánh vác ứng với khả năng của mình để gánh chịu những chi phí cần thiết nhằm tạo ra một cộng đồng khu vực sinh sống thuận lợi. Thông thường có thuế cư dân thành phố, thị trấn, làng xã và thuế cư dân tỉnh thành, gọi chung là “Thuế cư trú”.
Ngoài ra, không chỉ cá nhân mà pháp nhân như công ty, v.v... cũng đang được hưởng các dịch vụ hành chính như là một thành viên của cộng đồng khu vực nên trong Thuế cư trú gồm có “Thuế cư trú cá nhân” liên quan đến cá nhân và “Thuế cư trú pháp nhân” liên quan đến pháp nhân.
Ở đây sẽ giải thích về “Thuế cư trú cá nhân” liên quan đến cá nhân.

■ Thuế cư trú cá nhân

Thuế cư trú cá nhân được kết hợp giữa Thuế cư dân làng cá nhân và Thuế cư dân tỉnh cá nhân nên đây là tiền thuế mà những người đang sinh sống ở làng Minamimaki vào ngày 1 tháng 1 nộp cho làng và cho tỉnh. Những người có thu nhập chịu thuế ở năm trước đó sẽ bị đánh thuế là số tiền tổng cộng của “Số tiền theo đầu người” và “Số tiền theo thu nhập chịu thuế”.
Ngoài ra, có trường hợp sẽ được giảm hoặc miễn Thuế cư trú cá nhân theo Hiệp ước về thuế với Nhật Bản.

◆Người có nghĩa vụ nộp thuế

Người có địa chỉ sinh sống tại làng Minamimaki	A＋B
Những người không có địa chỉ sinh sống ở làng Minamimaki nhưng có cơ sở kinh doanh, văn phòng hoặc nhà cửa (*đánh thuế nhà cửa)	A

A - Số tiền theo đầu người		B - Thuế suất của số tiền theo thu nhập chịu thuế	
Thuế cư dân làng	Thuế cư dân tỉnh	Thuế cư dân làng	Thuế cư dân tỉnh
3.500 yên	2.000 yên	6%	4%
Thuế cư dân làng	Thuế cư dân tỉnh	Thuế cư dân làng	Thuế cư dân tỉnh

Số tiền theo thu nhập chịu thuế được tính toán dựa trên số tiền tiêu chuẩn đánh thuế sau khi khấu trừ thu nhập chịu thuế từ số tiền thu nhập chịu thuế trong năm trước đó.

■ Về việc kê khai

Thuế cư trú cá nhân sẽ được đánh thuế dựa trên thu nhập chịu thuế trong khoảng thời gian 1 năm từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 nên cần phải kê khai số tiền thu nhập chịu thuế của năm trước đó và số tiền khấu trừ trễ nhất là ngày 15 tháng 3 hàng năm.
Nội dung kê khai này cần thiết khi tính toán phí bảo hiểm sức khỏe quốc gia, quyết định thụ hưởng các loại trợ cấp và phúc lợi, cấp phát các giấy chứng nhận về thuế như thu nhập chịu thuế/ đánh thuế, v.v... Tuy nhiên, những người tương ứng với những trường hợp sau đây thì không cần kê khai.

◆Những người sẽ nộp (đã nộp) Bản kê khai quyết toán thuế thu nhập cho Cơ quan thuế
◆Những người chỉ có thu nhập từ tiền lương trong năm trước đó, đã được nơi làm việc nộp Bản báo cáo chi trả tiền lương

Tuy nhiên, những người chưa biết Bản báo cáo chi trả tiền lương đã được nộp hay chưa thì hãy xác nhận với nơi làm việc của mình.
Những người có thay đổi, bổ sung, v.v... trong nội dung các loại khấu trừ thì cần phải kê khai nên vui lòng lưu ý.

■ Khi chuyển chỗ ở đi khỏi làng hoặc khi xuất cảnh

Thuế cư trú cá nhân sẽ được đánh thuế tại thành phố, thị trấn và làng xã có địa chỉ sinh sống tại thời điểm ngày 1 tháng 1 nên trong trường hợp chuyển chỗ ở đi khỏi làng hoặc xuất cảnh sau ngày 1 tháng 1 thì phải nộp tiền thuế cho làng Minamimaki.
Bản thông báo nộp thuế, v.v... sẽ được gửi đến địa chỉ nơi chuyển chỗ ở đi nên hãy nộp thuế tại quầy dịch vụ của tổ chức tài chính chỉ định, v.v... hoặc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng.
Ngoài ra, trường hợp xuất cảnh giữa năm tài chính thì phải nộp tiền thuế năm của Thuế cư trú cá nhân trước khi về nước hoặc chỉ định người đại diện quản lý nộp thuế (người thay mặt nộp thuế) và thông báo cho chúng tôi.

■ Phương pháp nộp

Phương pháp nộp Thuế cư trú cá nhân như sau.

◆Truy thu thông thường
Người có nghĩa vụ nộp thuế sẽ nộp tiền thuế tại quầy dịch vụ của tổ chức tài chính chỉ định, v.v... hoặc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng dựa theo Bản thông báo nộp thuế được làng gửi đến.

◆Truy thu đặc biệt
Người chi trả tiền lương sẽ nộp thay cho người có nghĩa vụ nộp thuế. Về nguyên tắc là truy thu đặc biệt từ tiền lương của người có thu nhập từ tiền lương.

■ Kỳ hạn nộp

Kỳ hạn nộp là ngày cuối cùng của mỗi tháng. Những người cần phải nộp Thuế cư trú cá nhân hãy nộp trước kỳ hạn nộp đã được quy định.
Ngoài ra, trường hợp kỳ hạn nộp trùng vào thứ Bảy/ Chủ nhật/ ngày lễ hoặc trùng vào khoảng thời gian từ ngày 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1 thì kỳ hạn nộp sẽ là ngày làm việc kế tiếp.

Phương pháp nộp	Tháng nộp	Kỳ hạn nộp
Truy thu thông thường	Tháng 6, 8, 10, 1 (4 lần/năm)	Cuối mỗi tháng của tháng nộp
Truy thu đặc biệt	Hàng tháng từ tháng 6 ~ tháng 5 năm sau (12 lần/năm)	Ngày 10 hàng tháng của tháng tiếp theo của tháng nộp

ゴミの分け方と出し方　袋には必ず名前を書いてください

■ 可燃ゴミ

●紙くず、レシートなどの感熱紙、紙おむつ（汚物は取り除いてください）、汚れた新聞紙や段ボール、汚れをきれいに落とすことができないなどの限られたその他プラスチック製品（納豆の容器など）などが対象になります。
●生ゴミは入れないでください。（生ごみ処理機で乾燥させたものを除く）

■ 生ゴミ

●優良な堆肥となりますので、家庭での処理をお願いします。
●村では、コンポストや電気分解式の生ゴミ処理機を購入する際、購入費の一部を補助していますので、この制度をご活用ください。

■ その他プラスチック

プラ　このマークのあるもので軟質系のものが対象です

●プラマークがあるもので、手で握って形が変わる物など軟質系のプラスチック。
（お菓子やパンの袋、レジ袋、ラップなど）
●プリンのカップやペットボトルのキャップなどの硬い形状の硬質プラスチックは**埋立ゴミ**へ。
●汚れているものは水洗いしてください。

■ ペットボトル

1 PET　このマークのあるものが対象です

●ジュース・酒・醤油などが入っているもので、PETのマークが付いているものが対象になります。このマークが付いていないものは、埋立ゴミとして出してください。
●ボトルの中を軽く水洗いし、キャップは**埋立ゴミ**、ラベルは**その他プラスチック**として出してください。
※スーパーマーケットなどの回収もご利用ください。

■ びん類

●ふたとふたの受け部分（中栓）をはずし、中を洗ってください。
●びんの色の分別は、びんの口を上から見ることで簡単にできます。
●びんに貼ってある紙は剥がさなくても構いませんが、びんに巻いてある紙やラベルは取り除いてください。
●ラムネのびんは、ふたを取り、中のビー玉を取り除いてください。
●専用の袋に入れ、「茶色びん」「透明びん」「その他びん」の該当するところに○を付け、必ず名前を書いて出してください。
●割れたびんも入れて構いませんが、できるだけ割らないようにしてください。
●化粧品のびん・油用のびん・ガラスコップ・陶磁器類・クリスタル製ガラス・耐熱ガラス食器などは**埋立ゴミ**としてコンテナに入れて出してください。

茶色のびん…表面が茶色のもの。

無色透明のびん…表面に色がなくて透き通っているもの。
■表面がギザギザやザラザラのガラス模様などが付いているびんも対象。

その他の色のびん…表面に青・緑・黒・紫・白・黄などの色が付いているもの。
■淡く色がかかっているびんも対象。

Cách phân loại và cách bỏ rác　phải ghi tên lên túi đựng rác

■ Rác cháy được

●Đối tượng là giấy cảm nhiệt như giấy vụn, hóa đơn, v.v..., bỉm giấy (hãy loại bỏ chất bài tiết), giấy báo hoặc thùng carton bị bẩn, những sản phẩm bằng nhựa khác (đồ đựng đậu nành lên men natto, v.v...), v.v... không thể loại bỏ sạch vết bẩn.
●Đừng cho rác nhà bếp vào. (Ngoại trừ những thứ đã làm khô bằng máy xử lý rác nhà bếp)

■ Rác nhà bếp

●Đây là phân hữu cơ tốt nên vui lòng xử lý tại gia đình.
●Tại làng có hỗ trợ một phần chi phí mua khi mua máy làm phân bón hữu cơ hoặc máy xử lý rác nhà bếp kiểu điện phân nên hãy sử dụng hệ thống hỗ trợ này.

■ Nhựa khác

プラ　Đối tượng là những thứ có tính mềm dẻo có ký hiệu này

●Nhựa có ký hiệu nhựa "Pra", có tính mềm dẻo như những thứ thay đổi hình dáng khi nắm bằng tay, v.v...
(Túi đựng bánh kẹo hoặc bánh mì, túi mua sắm, màng bọc, v.v...)
●Nhựa cứng có hình dạng cứng như cốc đựng bánh pudding, nắp chai nhựa PET, v.v... thì cho vào **Rác chôn lấp.**
●Những thứ bị bẩn thì hãy rửa sạch với nước.

■ Chai nhựa PET

1 PET　Đối tượng là những thứ có ký hiệu này

●Đối tượng là những thứ đựng nước trái cây/ rượu/ nước tương, v.v... và có ký hiệu PET. Những thứ có ký hiệu này thì hãy xem là Rác chôn lấp và bỏ ra.
●Hãy rửa bên trong chai sơ qua bằng nước, nắp thì xem là **Rác chôn lấp**, nhãn dán thì xem là **Nhựa khác** và bỏ ra.
※ Hãy sử dụng cả dịch vụ thu hồi tại các siêu thị, v.v...

■ Các loại chai

●Tháo nắp và bộ phận đỡ nắp (nút chặn bên trong) và rửa bên trong.
●Để phân loại màu của chai thì nhìn từ bên trên miệng chai xuống sẽ dễ dàng biết được.
●Không cần phải gỡ giấy dán trên chai nhưng hãy loại bỏ giấy hoặc nhãn quấn quanh chai.
●Đối với chai ramune thì tháo nắp và loại bỏ viên bi bên trong đi.
●Hãy cho vào túi chuyên dụng, đánh ○ vào nơi tương ứng với "Chai màu nâu", "Chai trong suốt" và "Chai khác", ghi họ và tên lên và bỏ ra.
●Có thể bỏ vào cả chai bể vỡ, tuy nhiên cố gắng đừng làm bể.
●Chai mỹ phẩm/ chai đựng dầu/ cốc thủy tinh/ các loại đồ gốm sứ/ pha lê/ bộ đồ ăn thủy tinh chịu nhiệt, v.v... thì hãy xem là **Rác chôn lấp**, cho vào thùng chứa và bỏ ra.

Chai màu nâu...Những thứ có bề mặt ngoài màu nâu..

Chai không màu trong suốt...Những thứ có bề mặt ngoài không màu và trong suốt.
■Chai có bề mặt ngoài có hoa văn thủy tinh răng cưa hoặc sần sùi, v.v... cũng thuộc đối tượng áp dụng.

Chai có màu khác...Những thứ có bề mặt ngoài có màu xanh lam/ xanh lá cây/ đen/ tím/ trắng/ vàng, v.v...
■Những chai có màu nhạt cũng thuộc đối tượng áp dụng.

■ 缶類

このマークのあるものが対象です

●スチール缶とアルミ缶には、それぞれ右のマークが付いています。
●マークがないものや判断に困るものは**埋立ゴミ**として出してください。
●タバコの吸い殻は入れないでください。
●スプレー缶以外は必ず一度缶の中を水洗いしてください。
●スプレー缶は使いきり、穴を開けて中のガスを抜いてから出してください。
●ペンキ等の塗料は使いきり、乾燥させて**埋立ゴミ**として出してください。

■ 衣類（綿製品）

●衣類が対象になります。
●カッパなどのナイロン製品、ダウン製品、布団、マット類、毛糸類、革製品は収集できません。**粗大ゴミ**の回収時に出してください。
●汚れている、濡れている、カビているものは収集できません。
●可燃ゴミ以外の指定ゴミ袋（その他プラやペットボトルなど）を利用して出してください。

■ 埋立ゴミ

●各自で収獲用コンテナなどをご用意いただき、コンテナに名前を書いて出してください。
●硬質系プラスチック、化粧品のびん類、使い切り乾燥させたペンキ缶など。
●おもちゃなどは電池を抜いて出してください。
●小型家電・鉄くずは**粗大ゴミ**として出してください。

■ 粗大ゴミ（有料回収）

●収集は、4月・8月・11月・12月に行います。カレンダーで日程の確認を!!
●電子レンジ、ドライヤー、トースターなどの小型家電は有料回収になります。
●履物、カバンなど細かいものはそれぞれ袋に入れてください。

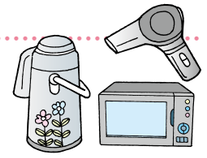

■ 紙類

●「新聞紙・折込広告」「その他雑誌・単行本・コピー用紙」「ダンボール」「牛乳パック」などのほか、アイスやお菓子類の箱、トイレットペーパーの芯などの雑紙が対象になります。
●レシートなどの感熱紙、複写式の紙、カーボン紙、アルミ加工されているものは**可燃ゴミ**へ。
●十字にひもをかけて、しっかりと縛ってください。
●アイスやお菓子類の箱など十字にひもをかけて出せない雑紙は紙袋に入れて出してください。
●紙類は濡らさないようにしてください。

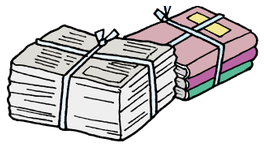

■ 白色トレー（容器トレー）

このマークのあるものが対象です

●発泡スチロール製のものが対象になります。
●色の付いたものやビニールなどが付いているものは、**その他プラスチック**とし出してください。
●汚れているものは水洗いしてください。
※スーパーマーケットなどの回収もご利用ください。

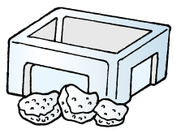

■ 乾電池・蛍光管

●乾電池の収集場所は、役場玄関、JA野辺山支所様入口、ストックヤードです。備え付けの回収箱に出してください。
●蛍光管や電球は、ストックヤードへ持ち込んでください。蛍光管はひもで縛り、電球は袋に入れて出してください。
●ボタン電池は、安全性が確認されていないため販売店へ。

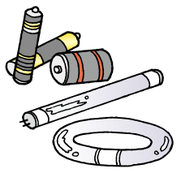

■ ストックヤード

●持込は紙類、びん類、缶類、ペットボトル、容器トレー、乾電池、蛍光管になります。
●中を洗ってきれいな状態で出してください。

※ストックヤード位置図P24参照

■ Các loại lon

Đối tượng là những thứ có ký hiệu này

●Ký hiệu phía bên phải có trên lon bằng thép và lon bằng nhôm.
●Những thứ không có ký hiệu này hoặc những thứ khó phán đoán thì hãy xem là **Rác chôn lấp** và bỏ ra.
●Đừng bỏ vào tàn thuốc lá.
●Ngoài lon xịn ra, những loại lon khác phải rửa bên trong bằng nước.
●Lon xịt phải sử dụng hết, đục lỗ để loại bỏ gas bên trong và bỏ ra.
●Sơn, v.v... thì hãy sử dụng hết, làm khô và xem là **Rác chôn lấp** và bỏ ra.

■ Quần áo (sản phẩm cotton)

●Đối tượng là quần áo.
●Không thu gom những sản phẩm bằng nylon như áo mưa, v.v..., sản phẩm lông vũ, nệm, các loại thảm, các loại len, sản phẩm bằng da. Hãy bỏ ra khi thu gom **Rác quá khổ**.
●Không thu gom những thứ bị bẩn, bị ướt, bị nấm mốc.
●Hãy sử dụng túi đựng rác chỉ định ngoại trừ túi Rác cháy được (túi Nhựa khác hoặc túi Chai nhựa PET, v.v...) và bỏ ra.

■ Rác chôn lấp

●Hãy tự chuẩn bị thùng chứa dùng để thu gom, v.v... ghi tên lên thùng chứa và bỏ ra.
●Nhựa cứng, các loại chai mỹ phẩm, lon sơn đã sử dụng hết và làm khô, v.v...
●Đối với những đồ chơi thì hãy tháo pin ra trước khi bỏ ra.
●Đồ điện gia dụng cỡ nhỏ/ sắt vụn thì hãy xem là **Rác quá khổ** và bỏ ra.

■ Rác quá khổ (thu gom có tính phí)

●Sẽ thực hiện thu gom vào tháng 4/ tháng 8/ tháng 11/ tháng 12. Hãy xác nhận lịch trình trên lịch thu gom rác!!
●Đồ điện gia dụng cỡ nhỏ như lò vi sóng, máy sấy tóc hoặc lò nướng bánh mì, v.v... sẽ thu gom có tính phí.
●Đối với những thứ nhỏ như giày dép, túi xách, v.v... thì cho vào trong túi đựng.

■ Các loại giấy

●Đối tượng là "Giấy báo/ tờ quảng cáo lồng vào trong báo chí", "Tạp chí khác/ sách loại một tập/ giấy copy", "Thùng carton", "Hộp sữa giấy", v.v... hay hộp đựng kem và các loại bánh kẹo, những giấy linh tinh khác như lõi giấy vệ sinh, v.v...
●Giấy cảm nhiệt như hóa đơn, v.v..., giấy kiểu sao chép, giấy carbon, những thứ được gia công từ nhôm thì cho vào **Rác cháy được**.
●Dùng dây buộc chặt lại theo hình chữ thập.
●Hộp đựng kem và các loại bánh kẹo, v.v... thì hãy dùng dây buộc lại theo hình chữ thập, những giấy linh tinh khác không thể bỏ ra trực tiếp được thì cho vào trong túi giấy và bỏ ra.
●Đối với các loại giấy thì đừng làm ướt.

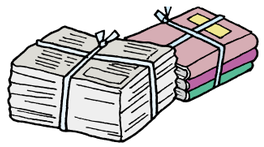

■ Khay màu trắng (khay đựng)

Đối tượng là những thứ có ký hiệu này

●Đối tượng là những thứ làm bằng xốp.
●Những thứ có màu hoặc những thứ có nhựa vinyl, v.v... thì hãy xem là **Nhựa khác** và bỏ ra.
●Những thứ bị bẩn thì hãy rửa sạch với nước.
※Hãy sử dụng cả dịch vụ thu hồi tại các siêu thị, v.v...

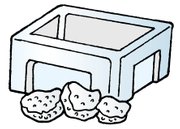

■ Pin khô/ ống huỳnh quang

●Địa điểm thu gom của pin khô hành lang lối vào của trụ sở hành chính, lối vào văn phòng chi nhánh JA Nobeyama và bãi thu gom tạm thời (stockyard). Hãy bỏ vào thùng thu gom đã lắp đặt sẵn.
●Ống huỳnh quang và bóng đèn thì hãy mang vào bãi thu gom tạm thời (stockyard). Hãy bó ống huỳnh quang bằng dây, cho bóng đèn vào trong túi và bỏ ra.
●Pin đồng tiền không đảm bảo tính an toàn nên hãy mang đến cửa hàng bán.

■ Bãi thu gom tạm thời (stockyard)

●Những thứ có thể mang vào là các loại giấy, các loại chai, các loại lon, chai nhựa PET, khay đựng, pin khô, ống huỳnh quang.
●Hãy súc sạch bên trong và bỏ ra trong tình trạng sạch sẽ.

※ Bản đồ vị trí của bãi thu gom tạm thời (stockyard) thì hãy tham khảo Trang 24

交通災害共済

■　交通事故による入院・通院（2日以上）に対して、見舞金が支払われます。

交通事故は、いつどこでふりかかってくるか分かりません。万が一交通事故に遭われた方を救済するための交通災害共済制度です。

〈共済期間〉…各年4月1日※～翌年3月31日（※中途加入した場合はその日から）

〈掛金〉…一人年額400円

〈加入できる人〉…村内に住民登録をしている方なら、いつでもどなたでも加入できます。

〈加入方法〉…指定の加入申込書に○印を記入し、掛金を添えて南牧村役場2階総務課窓口までお申し込みください。

〈見舞金の支払われる事故〉…

●国内の道路上を運行中の自動車、バイク、自転車等による人身事故。

●電車などに乗っていて、衝突、転落、転倒などによる事故。

●歩行中の、走行している車などによる事故。

～加入された方へ～

〈交通事故が発生したら〉…交通事故に遭った場合、できるだけ早く役場の交通災害共済係に事故の報告をし、請求について相談をしてください。

学　校

■　日本では、小学校6年間（6歳～12歳）、中学校3年間（13歳～15歳）が義務教育です。

外国籍の保護者にこの義務は適用されませんが、日本の学校への就学を希望すれば入学することができます。

入学する学校は、お住まいの住所地に基づいて教育委員会が設定した通学区域により決定します。

入学を希望する場合は、教育委員会で手続きをしてください。

■　就学の手続き

【小学校に就学する場合】

①就学する年度の前の年度の11月30日までに「就学時健康診断（就学前健診）」を行います。

②1月31日までに「入学通知書」を保護者あてにお送りします。

③南牧村には小学校が2校あるので、「入学通知書」には、お子さんが就学すべき小学校名が明記されます。これを「学校指定」といいます。

④「学校指定」は、学校教育法施行令第5条第2項の規定に基づき南牧村教育委員会がこれを行います。指定される学校は住民基本台帳の小学校区に基づくことになります。

【中学校に就学する場合】

①1月31日までに「入学通知書」を保護者あてにお送りします。

②南牧村には中学校は1校しかありません。「入学通知書」には、入学指定校として「南牧中学校」と明記されます。

【その他】

●指定校の変更や区域外就学、就学相談など、ご不明な点、ご心配な点がございましたら、教育委員会事務局（電話：0267-96-2104）までお問い合わせください。

Hỗ trợ tai nạn giao thông

■Sẽ được chi trả tiền thăm bệnh đối với trường hợp nhập viện/ đi bệnh viện (2 ngày trở lên) khi bị tai nạn giao thông.

Tai nạn giao thông không biết sẽ đến khi nào và ở đâu. Đây là hệ thống hỗ trợ tai nạn giao thông nhằm mục đích hỗ trợ cho những người bất đắc dĩ bị tai nạn giao thông.

<Thời gian hỗ trợ> Ngày 1 tháng 4 của các năm※ ~ ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo (※ Trường hợp tham gia giữa chừng sẽ tính từ ngày đó)

<Tiền phí phải trả> Số tiền hàng năm là 400 yên 1 người

<Người có thể tham gia> Nếu là người có đăng ký cư dân trong làng thì có thể tham gia bất cứ khi nào.

<Phương pháp tham gia> Hãy đánh ○ vào Bản đăng ký tham gia chỉ định và mang đến quầy dịch vụ Phòng hành chính tổng hợp, tầng 2, Trụ sở hành chính làng Minamimaki cùng với tiền phí phải trả.

<Tai nạn được chi trả tiền thăm bệnh>

●Tai nạn tổn thương đến cơ thể gây ra bởi ô tô, xe máy, xe đạp, v.v... đang chạy trên đường ở Nhật Bản.

●Tai nạn va chạm, rơi rớt, té ngã, v.v... khi đi tàu điện, v.v...

●Tai nạn trong lúc đi bộ gây ra bởi xe ô tô đang di chuyển, v.v...

～Dành cho những người đã tham gia～

<Khi xảy ra tai nạn giao thông> Trường hợp gặp phải tai nạn giao thông, hãy cố gắng báo cáo tai nạn cho người phụ trách hỗ trợ tai nạn giao thông ở trụ sở hành chính sớm và trao đổi thảo luận về việc yêu cầu thanh toán.

Trường học

■Tại Nhật Bản, 6 năm tiểu học (6 tuổi ~ 12 tuổi), 3 năm trung học cơ sở (13 tuổi ~ 15 tuổi) là giáo dục phổ cập bắt buộc.

Phụ huynh quốc tịch nước ngoài sẽ không được áp dụng nghĩa vụ này, tuy nhiên nếu có nguyện vọng nhập học vào trường học của Nhật Bản thì có thể nhập học được.

Trường học nhập học sẽ quyết định dựa vào khu vực đi học được Ủy ban giáo dục thiết lập dựa vào nơi đang sinh sống.

Trường hợp mong muốn nhập học, hãy làm thủ tục tại Ủy ban giáo dục.

■ Thủ tục nhập học

【Trường hợp nhập học vào trường tiểu học】

① Tiến hành “Khám sức khỏe khi nhập học (khám sức khỏe trước khi nhập học)” trước ngày 30 tháng 11 của năm trước năm nhập học.

② “Bản thông báo nhập học” sẽ được gửi đến cho phụ huynh trước ngày 31 tháng 1.

③ Tại làng Minamimaki có 2 trường tiểu học, trong “Bản thông báo nhập học” có ghi rõ tên trường tiểu học mà con em sẽ nhập học. Đây gọi là “Chỉ định trường học”.

④ Việc “Chỉ định trường học” sẽ do Ủy ban giáo dục làng Minamimaki thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 5, Lệnh thi hành Luật giáo dục trường học. Trường học được chỉ định sẽ dựa vào khu vực trường tiểu học trong Sổ đăng ký cư trú cơ bản.

【Trường hợp nhập học vào trường trung học cơ sở】

① “Bản thông báo nhập học” sẽ được gửi đến cho phụ huynh trước ngày 31 tháng 1.

② Làng Minamimaki chỉ có 1 trường trung học cơ sở. Trong “Bản thông báo nhập học” có ghi rõ trường học chỉ định nhập học là “Trường trung học cơ sở Minamimaki”.

【Khác】

●Nếu có thay đổi trường học chỉ định, những điểm chưa rõ ràng, những điểm lo lắng như nhập học ngoài khu vực, tư vấn nhập học, v.v... thì vui lòng liên hệ đến Văn phòng điều hành của Ủy ban giáo dục (điện thoại: 0267-96-2104).

ストックヤード地図

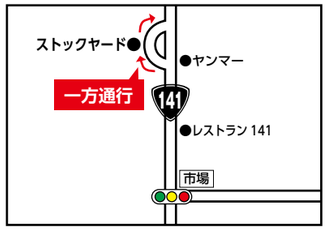

※p50参照

Bản đồ bãi thu gom tạm thời (stockyard)

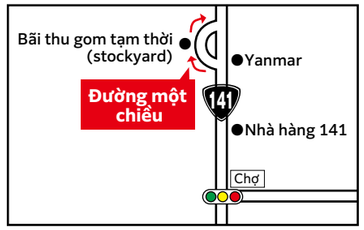

※Tham khảo Trang 50

南牧村 生活情報冊子

発行日　2020年3月
発　行　南牧村
印　刷　中澤印刷株式会社

Làng Minamimaki Sách thông tin sinh hoạt

Ngày phát hành　Tháng 3 năm 2020
Phát hành　Làng Minamimaki
In ấn　Nakazawa Insatsu Co., Ltd.

mmm